

移工於疫情期間，延後或取消返國休假，其取消
機票之必要費用損失，由政府補償

**TKA dalam masa virus COVID-19, kalau ada ganti
tanggal penerbangan atau membatalkan tiket cuti,
kerugian yang terjadi karena pembatalan tiket akan
ditanggung oleh pemerintah.**



符合下列要件之移工，得向聘僱許可地之直轄市或縣(市)政府勞工主管機關
申請機票損失補償，但不包括航空公司或原購票公司已退費金額：

- 一、於 109 年 3 月 17 日前，已取得本部核發聘僱許可，且於申請補償時聘僱許
可仍有效之移工。
- 二、於 109 年 3 月 17 日以前已開立機票，且原訂返國航班之日期及所訂機票起
飛時間於 109 年 3 月 17 日 16 時以後。以機票為憑。
- 三、每一移工以申請 1 次機票損失補償為限。但移工如經第三國轉機至來源
國，其 2 段(含)以上航班之費用，可同次提出申請。

TKA yang memenuhi syarat dibawah ini , harus ke pemerintah daerah setempat untuk
memohon atas kerugian tiket pesawat, tapi tidak termasuk uang yang sudah
dikembalikan oleh perusahaan penerbangan atau asal tempat pembelian tiket:

1. Dari sebelum tanggal 2020-03-17 , TKA yang sudah mendapatkan ijin kerja dari
WDA, dan dalam masa ijin kerja yang berlaku melakukan permohonan ganti rugi.
2. Tiket yang sudah dibeli sebelum tanggal 2020-03-17, dan tanggal penerbangannya
sesudah tanggal 2020-03-17 jam 16:00. Harus melampirkan bukti tiket.
3. Permohonan ganti rugi tiket setiap TKA hanya bisa sekali saja. Tapi kalau TKA ada
transit di negara ketiga kembali ke negara asal, biaya penerbangan tersebut , boleh
melakukan permohonan ganti rugi sekaligus.



移工於疫情期間，延後或取消返國休假，其取消

機票之必要費用損失，由政府補償

ในช่วงระยะเวลาการระบาดของโรค สำหรับแรงงานข้ามชาติ
ที่เลื่อนหรือยกเลิกการลาพักก่อนกลับประเทศ
ความสูญเสียหรือความเสียหายที่เกิดขึ้นจากการยกเลิกตั๋ว
เครื่องบินจะได้รับการชดเชยจากรัฐบาล



符合下列要件之移工，得向聘僱許可地之直轄市或縣(市)政府勞工主管機關
申請機票損失補償，但不包括航空公司或原購票公司已退費金額：

- 一、於 109 年 3 月 17 日前，已取得本部核發聘僱許可，且於申請補償時聘僱許可仍有效之移工。
- 二、於 109 年 3 月 17 日以前已開立機票，且原訂返國航班之日期及所訂機票起飛時間於 109 年 3 月 17 日 16 時以後，以機票為憑。
- 三、每一移工以申請 1 次機票損失補償為限，但移工如經第三國轉機至來源國，其 2 段(含)以上航班之費用，可同次提出申請。

แรงงานข้ามชาติที่มีคุณสมบัติตรงตามข้อกำหนดต่อไปนี้ สามารถนำไปยื่นเรื่องกับกรมแรงงาน
เขตท้องถิ่นในเขตเทศบาลหรือเขตปกครองรัฐบาลที่ได้รับใบอนุญาตการจ้างงาน เพื่อใช้สำหรับ
ยื่นเรื่องขอเงินชดเชยค่าเสียหายของตั๋วเครื่องบิน แต่ไม่รวมถึงจำนวนเงินที่คืนโดยสารการบิน
หรือบริษัทตั๋วเครื่องบินที่ซื้อ :

1. ก่อนวันที่ 13 มีนาคม 2563 บริษัท ได้รับใบอนุญาตการจ้างงานที่ออกโดยกระทรวง
แรงงานและใบอนุญาตการจ้างถึงสามารถใช้ในการยื่นขอค่าชดเชยได้
2. ตั๋วออกก่อนวันที่ 17 มีนาคม 2563 และวันที่เที่ยวบินขากลับเดิมและเวลาออกเดินทางของตัว
เครื่องบินที่จองไว้หลังเวลา 16:00 น. ในวันที่ 17 มีนาคม 2563 จะยึดตามตั๋วเครื่องบินเดิม
3. แรงงานต่างชาติ 1 คน สามารถยื่นเรื่องขอเงินชดเชยการสูญเสียตั๋วเครื่องบินได้ 1 ครั้ง
อย่างไรก็ตามหากแรงงานต่างชาติมีการหยุดพักระหว่างทางผ่านประเทศที่สามไปยัง
จุดหมายประเทศต้นทาง รวมบิน 2 ต่อ สามารถยื่นเรื่องขอเงินชดเชยได้ในเวลาเดียวกัน



移工於疫情期間，延後或取消返國休假，其取消機票
之必要費用損失，由政府補償

During the epidemic period, for Migrant workers who postponed or cancelled their vacation in returning home, losses or damages incurred in the cancellation of their tickets will be compensated by the government



符合下列要件之移工，得向聘僱許可地之直轄市或縣(市)政府勞工主管機關申請機票損失補償，但不包括航空公司或原購票公司已退費金額：

- 一、於 109 年 3 月 17 日前，已取得本部核發聘僱許可，且於申請補償時聘僱許可仍有效之移工。
- 二、於 109 年 3 月 17 日以前已開立機票，且原訂返國航班之日期及所訂機票起飛時間於 109 年 3 月 17 日 16 時以後。以機票為憑。
- 三、每一移工以申請 1 次機票損失補償為限。但移工如經第三國轉機至來源國，其 2 段(含)以上航班之費用，可同次提出申請。

Migrant workers who meet the following requirements may apply to the labor authority of the municipality or county (city) government where the employment permit is granted

Apply compensation incurred for ticket losses/damages fees, but does not include the amount refunded by the airline or by the purchased ticket company :

- 1、On March 13, 2020, the company has obtained the employment permit issued by the head office, and the employment permit is still valid when applying for compensation.
- 2、The date of the original scheduled return flight and the departure time of the booked ticket is on March 17, 2020, after 16:00 onwards. Will be based according to the ticket.
- 3、Each Migrant worker is subject to one application for compensation incurred for ticket losses/damages fees. However, if the Migrant worker has a layover via a third country then on to the original destination, the costs of these flights (inclusive) can be submitted at the same time.



移工於疫情期間，延後或取消返國休假，其取消機票之必要費用損失，由政府補償

Trong tình hình dịch bệnh, nếu bạn trì hoãn hoặc hủy bỏ việc nghỉ phép về nước, sự mất mát các chi phí cần thiết sẽ được chính phủ bồi thường



符合下列要件之移工，得向聘僱許可地之直轄市或縣(市)政府勞工主管機關申請機票損失補償，但不包括航空公司或原購票公司已退費金額：

- 一、於 109 年 3 月 17 日前，已取得本部核發聘僱許可，且於申請補償時聘僱許可仍有效之移工。
- 二、於 109 年 3 月 17 日以前已開立機票，且原訂返國航班之日期及所訂機票起飛時間於 109 年 3 月 17 日 16 時以後。以機票為憑。
- 三、每一移工以申請 1 次機票損失補償為限。但移工如經第三國轉機至來源國，其 2 段(含)以上航班之費用，可同次提出申請。

Lao động nước ngoài phù hợp những điều kiện sau đây, có thể liên hệ với cơ quan lao động của chính quyền thành phố hoặc quận (thành phố) của nơi cấp giấy phép lao động

để xin bồi thường tổn thất vé máy bay, nhưng không bao gồm số tiền được hoàn lại của hãng hàng không hoặc công ty bán vé ban đầu

- 一、Trước ngày 17 tháng 3 năm 2020, những lao động đã được bộ lao động phê duyệt cấp giấy phép lao động, và giấy phép lao động vẫn còn hiệu lực thì có thể nộp đơn xin bồi thường
- 二、Vé đặt mua trước ngày 17 tháng 3 năm 2020, ngoài ra, ngày của chuyến bay khứ hồi dự kiến ban đầu và thời gian khởi hành của vé đã đặt là sau 16:00 ngày 17 tháng 3 năm 2020, thì căn cứ theo loại vé này
- 三、Mỗi lao động được giới hạn nộp đơn xin bồi thường cho một lần mất vé, trường hợp lao động phải chuyển chuyến bay thông qua nước thứ ba để trở về đất nước của mình, thì chi phí cho các chuyến bay đã bao gồm 2 lần đổi chuyến, lao động có thể nộp đơn xin bồi thường cùng một lúc

